TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2019/HSST Ngày: 29 -8- 2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Lâm Cường Thịnh

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2019/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/HSST-QĐ ngày 13/8/2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN TRỌNG T, sinh năm1994 tại Phú Yên; HKTT: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; có vợ là Võ Thị L, sinh năm 1994 và có 01 người con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2019 đến ngày 20/5/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1992 và anh Hà Văn S, sinh năm 1987; cùng cư trú tại: Tổ 1, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11 tháng 5 năm 2019, T phát hiện phía trước nhà chị Lê Thị Th, đối diện nhà trọ của T thuê ở có treo 01 lồng chim, bên trong có 01 con chim

nên T nảy sinh ý định trộm cắp mang về nhà nuôi. Khi đến nhà chị Th, T phát hiện gia đình anh S đi vắng, cửa nhà không khóa. Lúc này, T đẩy cửa, đi đến khu vực nhà bếp phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Meizu, màu trắng và 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Dior, dây đeo màu đen trong tủ chén nên lấy trộm bỏ vào túi quần bên trái đang mặc. Sau đó, T thấy 01 túi xách màu đỏ đen của chị Lê Thị Th để trên máy giặt gần tủ chén nên lục soát lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-F9, màu tím và 01 chai nước hoa, nhãn hiệu Beibei, màu hồng, thể tích 40ml. Sau đó, T tiếp tục đi đến phòng ngủ của chị Th lấy trộm 01 nhẫn vàng, loại 18K, trọng lượng 1.5 phân và 01 nhẫn vàng, loại 18K, trọng lượng 2,1 phân để trong bóp da màu đỏ. Lúc này, anh Sang (chồng chị Th) vừa đi về phát hiện T đang trộm cắp tài sản nên bắt quả tang. (BL 67-68; 69-70)

Tại kết luận định giá tài sản số 27 ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định gái tài sản trong TTHS huyện C kết luận:

- 01 nhẫn vàng, loại 18k, trọng lượng 2.1 phân, trị giá 500.000 đồng;
- 01 nhẫn vàng, loại 18k, trọng lượng 1.5 phân, trị giá 357.000 đồng
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9, màu tím, trị giá 4.500.000 đồng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Meizu, màu trắng, trị giá 600.000 đồng;
- 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu Dior, màu vàng, dây da màu đen, trị giá 150.000 đồng;
- 01 chai nước hoa nhãn hiệu Beibei, màu hồng, thể tích 40ml, trị giá 50.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 6.157.000 đồng.(BL 37-38)

Quá trình điều tra thu giữ: 01 nhẫn vàng, loại 18k, trọng lượng 2.1 phân; 01 nhẫn vàng, loại 18k, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9, màu tím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Meizu, màu trắng; 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu Dior, màu vàng, dây da màu đen; 01 chai nước hoa nhãn hiệu Beibei, màu hồng, thể tích 40ml. Số vật chứng là tài sản hợp pháp của bị hại, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.(BL51).

Tại Bản cáo trạng số 76/CTr-VKS, ngày 16/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố trình bày quan điểm: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, là lao động chính trong

gia đình. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trọng T về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:Khoảng 19 giờ ngày 11/5/2019, lợi dụng sự sở hở của chủ sở hữu tài sảnlà chị Lê Thị Th và anh Hà Văn S, Nguyễn Trọng T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Th, anh S gồm 01 nhẫn vàng, loại 18k, trọng lượng 2.1 phân; 01 nhẫn vàng, loại 18k, trọng lượng 1.5 phân;01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9, màu tím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Meizu, màu trắng; 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu Dior, màu vàng, dây da màu đen; 01 chai nước hoa nhãn hiệu Beibei, màu hồng, thể tích 40ml, tổng giá trị tài sản Tiến đã chiếm đoạt là 6.157.000 đồng. Cáo trạng số 76/CTr-VKS ngày 16/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài một cách bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.Do đó, cần xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa,bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáocó hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Do bị cáo Nguyễn Trọng T không có nghề nghiệp cũng như thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng biện pháp phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sữa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án 29/8/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- CA huyện C;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thanh Tuấn